

Số: 267a BC/BVĐKTU

Than Uyên, ngày 30 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

(Kỳ báo cáo: từ ngày 15/12/2024 đến ngày 14/12/2025)

Phần 1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở y tế (Chủ nguồn thải): Bệnh viện Đa Khoa Than Uyên

Địa chỉ: Số 41, Phạm Ngọc Thạch, xã Than Uyên, tỉnh Lai Châu

Điện thoại: 0966563998

Fax: 02313784288

Mã số quản lý chất thải nguy hại (số Chứng minh nhân dân/căn cước công dân đối với cá nhân): 12.000050.T

Tên lãnh đạo đơn vị phụ trách :Vũ Văn Quang ; chức vụ: Giám đốc

Tên khoa/phòng/bộ phận đầu mối: Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn

Tên người tổng hợp báo cáo: Hà Thị Thắm

Điện thoại:0966563998; Email: hathamtyt123@gmail.com

1.2. Cơ sở phát sinh chất thải nguy hại (áp dụng đối với cơ sở y tế có từ 2 cơ sở trực thuộc trở lên và trình bày từng cơ sở)

Tên cơ sở: Bệnh viện đa khoa Than Uyên

Điện thoại: 02313784144

Fax: 02313784288

1.3. Số giường bệnh kế hoạch (nếu có): 220 ; Số giường bệnh thực kê: 219

1.4. Tổng số cán bộ, nhân viên của cơ sở y tế: 303; Số học sinh, sinh viên thực tập: 4

1.5. Tổng số lượt người đến khám, chữa bệnh: 195.512 lượt; Trong đó: ngoại trú 104.332 lượt , nội trú: 17.358 lượt.

1.6. Tổng lượng nước sử dụng trong kỳ báo cáo: 23.958 m³.

Phần 2. Kết quả quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo

2.1. Tình hình chung về quản lý chất thải y tế tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

2.1.1. Kết quả đào tạo, tập huấn, truyền thông, phổ biến pháp luật về quản lý chất thải y tế

a) Hoạt động đào tạo, tập huấn

TT	Nhóm đối tượng được đào tạo, tập huấn	Số người được đào tạo	Lượt đào tạo
1	Cán bộ lãnh đạo quản lý	18	1
2	Nhân viên y tế, nhân viên vsmt	71	1

Nhận xét, đánh giá:

b) Kết quả hoạt động truyền thông và phổ biến quy định về quản lý chất thải y tế

TT	Nhóm đối tượng truyền thông, phổ biến pháp luật	Nội dung	Hình thức
1	Nhân viên y tế, nhân viên vệ sinh môi trường, nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải y tế	Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Triển khai Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách quyết liệt ngăn chặn giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường	Truyền thông trực tiếp lồng ghép tập huấn chuyên môn
2	Người bệnh và người nhà người bệnh	Các quy định về phân loại chất thải y tế	Pano, áp píc, tuyên truyền, họp hội đồng người bệnh
3	Lãnh đạo CSYT, lãnh đạo các khoa, phòng	Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Triển khai Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách quyết liệt ngăn chặn giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.	Truyền thông trực tiếp lồng ghép tập huấn chuyên môn
4	Cộng đồng xung quanh cơ sở y tế	Các quy định về phân loại chất thải y tế	Pano, áp píc, tuyên truyền

Nhận xét, đánh giá: Lãnh đạo các khoa phòng, viên chức, người lao động tại đơn vị cơ bản nắm rõ nội dung các: Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên & Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về ban hành Quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Triển khai Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 12/7/2025 của Thủ tướng chính phủ về một số nhiệm vụ cấp bách quyết liệt ngăn chặn giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường;

2.1.2. Kết quả hoạt động thanh, kiểm tra

a) Hoạt động thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên

- Số lần được thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo: 1 lần.
- Kết quả thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm hành chính:

TT	Tên cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra	Nội dung vi phạm (nếu có, ghi rõ)	Kết quả khắc phục vi phạm	
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục
1	Công an tỉnh Lai Châu	Hệ thống xử lý nước thải đã được đầu tư từ năm 2012 phục vụ quy mô 100 giường bệnh (tại thời điểm đầu tư), nhưng nay là 200 giường bệnh nên công suất chưa đảm bảo		x

b) Hoạt động kiểm tra, giám sát của đơn vị

TT	Tên đơn vị, bộ phận thực hiện kiểm tra, giám sát	Nội dung vi phạm (nếu có, ghi rõ)	Kết quả khắc phục vi phạm	
			Đã khắc phục	Chưa khắc phục

Nhận xét, đánh giá:

2.1.3. Kết quả quan trắc môi trường

TT	Nội dung quan trắc	Số lần quan trắc thực tế/quy định	Chỉ tiêu không đạt	Bản scan các Kết quả quan trắc kèm theo
1	Quan trắc môi trường không khí xung quanh	2/2	- SO ₂ : Đạt - CO: Đạt - Bụi lơ lửng (TSP): Đạt	
2	Quan trắc nước thải	2/2	- pH: Đạt - BOD ₅ : Đạt - COD: Đạt - Dầu mỡ động thực vật: Đạt - Salmonella: Đạt	

			- Shigella: Đạt - Vibrio cholerae: Đạt	
3	Quan trắc nước dưới đất	2/2	- Nhiệt độ: Đạt - pH: Đạt - độ đục: Đạt - BOD5: Đạt - DO: Đạt - TSS: Đạt - tổng p*: Đạt - NO3- N: Đạt - tổng N: Đạt - Fe: Đạt - Coliform: Đạt - E.Coli: Đạt	
4	Quan trắc khí thải lò đốt	2/2	- Kết quả: Đạt	
5	Quan trắc môi trường nước mặt	2/2	- pH: Đạt - nhiệt độ: Đạt - BOD5: Đạt - COD: Đạt - DO: Đạt - độ đục: Đạt - TSS: Đạt - NH4+-N: Đạt - NO3- -N: Đạt - tổng N: Đạt - tổng P: Đạt - As: Đạt - Cr: Đạt - Cu: Đạt - Zn: Đạt - Mn: Đạt - Hg: Đạt - Fe: Đạt - chất hoạt động bề mặt: Đạt - tổng dầu: Đạt - mỡ: Đạt - Coliform: Đạt - E.Coli: Không Đạt	
6	Quan trắc môi trường đất	2/2	- Pb: Đạt - Tổng P: Đạt - tổng n: Đạt - Cacbon hữu cơ: Đạt - Cu: Đạt - Zn: Đạt	

Nhận xét, đánh giá:

2.2. Thống kê chất thải y tế phát sinh và được xử lý tại cơ sở y tế trong kỳ báo cáo:

(Trường hợp có các cơ sở trực thuộc, thì ngoài thống kê chất thải y tế của cơ sở, cần thống kê lần lượt đối với từng cơ sở y tế trực thuộc theo bảng dưới đây)

Bệnh viện đa khoa Than Uyên:

TT	Loại chất thải y tế	Mã chất thải nguy y hại	Đơn vị tính	Số lượng chất thải phát sinh	Số lượng chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	Xử lý chất thải y tế			
						Chuyển giao cho đơn vị khác xử lý		Tự xử lý tại cơ sở y tế	
						Số lượng	Tên đơn vị chuyển giao	Số lượng	Hình thức/ Phương pháp xử lý(*)
I	Tổng lượng chất thải y tế nguy hại		kg/năm						
1	Tổng lượng chất thải lây nhiễm:								
1.1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn		kg/năm	931	931	0		931	Lò đốt rác thải nguy hại LĐYT-50-DI
1.2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn		kg/năm	11001	11001	0		11001	Lò đốt rác thải nguy hại LĐYT-50-DI
1.3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao		kg/năm	92	92	0		92	Lò đốt rác thải nguy hại LĐYT-50-DI
1.4	Chất thải giải phẫu		kg/năm	800	800	0		800	Lò đốt rác thải nguy hại LĐYT-50-DI
2	Tổng lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm, gồm:		kg/năm						

2.1	Hóa chất thải bỏ bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng		kg/năm	0	0	0		0	
2.2	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm	36	36	0		36	Lò đốt rác thải nguy hại LDYT-50-DI
2.3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất		kg/năm	545	545	0		545	Lò đốt rác thải nguy hại LDYT-50-DI
2.4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân, cadimi		kg/năm	27	27	0		27	Lò đốt rác thải nguy hại LDYT-50-DI
2.5	Tổng lượng chất thải nguy hại khác		kg/năm	0	0	0		0	
II	Tổng lượng chất thải rắn thông thường		kg/năm	72757	72757	72757	Hợp tác xã Phương Nhung	0	Thuê xử lý
III	Tổng lưu lượng nước thải		m ³ /năm						
3.1	Nước thải y tế		m ³ /năm	6270	6270	0		6270	Hệ thống xử lý nước thải
3.2	Nước thải sinh hoạt		m ³ /năm	17688	17688	0		17688	Hệ thống xử lý nước thải

Ghi chú: (*) Hình thức/phương pháp tự xử lý chất thải y tế tại cơ sở y tế:

- Chất thải y tế nguy hại: KĐ (hấp ứót, vi sóng), C (Chôn lấp), LD (lò đốt 2 buồng), TC (đốt 1 buồng hoặc đốt thủ công), K (phương pháp khác);

- Trường hợp một loại chất thải có áp dụng đồng thời trong kỳ báo cáo cả việc thuê xử lý và tự xử lý thì cần ghi rõ hình thức và phương pháp xử lý cho từng trường hợp cụ thể.

- Nước thải: HTXLNT (xử lý qua hệ thống xử lý nước thải), KT (Không xử lý bằng hệ thống xử lý nước thải, chỉ khử trùng nước thải trước khi xả ra môi trường), KXL (Không xử lý, thải thẳng ra môi trường).

2.3. Thống kê xử lý chất thải y tế theo mô hình cụm cơ sở y tế trong kỳ báo cáo (chỉ thực hiện đối với cơ sở y tế thực hiện xử lý chất thải y tế cho cụm cơ sở y tế):

ST T	Loại chất thải y tế	Lượng chất thải y tế nhận từ các cơ sở y tế trong cụm (kg/năm)	Phạm vi xử lý (ghi tên các cơ sở y tế trong cụm)
---------	---------------------	--	---

2.4. Thống kê lượng chất thải nhựa trong năm

TT	Loại chất thải nhựa	Số lượng phát sinh (kg/năm)	Số lượng chuyển giao để tái chế (kg/năm)	Tên đơn vị nhận chuyển giao để tái chế
1	Chất thải lây nhiễm	259	259	Đơn vị tự xử lý
2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	87	87	Đơn vị tự xử lý
3	Chất thải rắn thông thường:			
	Chất thải rắn thông thường từ sinh hoạt thường ngày	383	383	Đơn vị tự xử lý
	Chất thải rắn thông thường từ hoạt động chuyên môn y tế	275	275	Đơn vị tự xử lý
	Tổng cộng(1+2+3)	1004	1004	Đơn vị tự xử lý

2.5. Thống kê nhân lực thực hiện quản lý chất thải y tế

TT	Họ tên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành về môi trường được đào tạo	Tham gia làm về quản lý chất thải		Chứng chỉ đào tạo về quản lý chất thải/vận hành hệ thống	
					Toàn thời gian	Kiểm nhiệm	Đối tượng được đào tạo	Đơn vị cấp chứng chỉ
I	Cán bộ chuyên trách quản lý chất thải							
1	Hà Thị Thắm	1988	Cử nhân điều dưỡng	Điều dưỡng		X	Điều dưỡng	Bệnh viện E
II	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý chất thải (nước thải, chất thải rắn, khí thải)							

1	Lục Thị Lan	1987	THPT	Hộ lý	X		Học sinh	Công ty cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng quốc tế
---	-------------	------	------	-------	---	--	----------	---

2.6. Thống kê công trình/thiết bị xử lý chất thải y tế

TT	Tên công trình, thiết bị	Công nghệ xử lý	Năm đưa vào vận hành	Tình trạng hoạt động hiện nay			Công suất xử lý theo thiết kế	Công suất xử lý thực tế
				Hoạt động tốt	Hoạt động không ổn định, quá tải	Hỏng hoặc không hoạt động		
I	Thiết bị xử lý chất thải rắn y tế							
1	Lò đốt rác thải nguy hại LDYT-50-DI	Công nghệ lò đốt chất thải nguy hại 2 buồng đốt	2024	X			50	50
II.	Công trình, hệ thống xử lý nước thải y tế							
1	Hệ thống xử lý nước thải	Công nghệ AAO Nhật Bản	2012	X			50	17

Phần 3. Kế hoạch quản lý chất thải y tế trong năm tiếp theo

Ban hành kế hoạch quản lý chất thải trong bệnh viện theo Thông tư 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế. Đề xuất phương án xử lý bùn thải phát sinh ra từ hệ thống nước thải y tế. Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tại đơn vị giai đoạn 2026 - 2030.

Phần 4. Các vấn đề khác

*** Thuận lợi:** Bệnh viện được đầu tư, xây dựng hệ thống xử lý chất chất thải rắn bằng lò đốt Nhiệt phân khí hóa với công suất 50kg/ giờ đưa vào sử dụng năm 2024, hệ thống xử lý chất thải lỏng Công nghệ AAO công suất 50m3/ ngày, đêm được đưa vào sử dụng từ năm 2012.

***Khó khăn:** Hiện tại hệ thống hấp, cắt rác thải y tế Công nghệ hấp tiệt trùng công suất 30kg/ giờ đưa vào sử dụng năm 2019 bị lỗi không có vật tư thiết bị thay thế. Hệ thống xử lý nước thải đầu tư năm 2012 phục vụ quy mô 100 giường bệnh (tại thời điểm đầu tư) nhưng nay là 200 giường bệnh nên công suất nước thải đầu ra chưa đảm bảo.

Phần 5. Kết luận, kiến nghị

Tiếp tục bố trí kinh phí hỗ trợ cho đơn vị trong công tác đầu tư nâng cấp sửa chữa hệ thống xử lý nước thải, hệ thống hấp, cắt rác thải y tế công nghệ hấp tiệt trùng và chất thải y tế cho bệnh viện. Mở lớp đào tạo năng lực chuyên môn về quản lý chất thải y tế cho viên chức thực hiện nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Sở Y tế(B/c);
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT, KSNK.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Cao Thị Thúy Hà